

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 21-8-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp về hợp đồng tặng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Ngọc Q, sinh năm 1990; cư trú tại: khu phố 5, phường L, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hoàng Minh Qu, sinh năm 1975; địa chỉ liên lạc: Số 491, Quốc lộ 14, phường B, thành phố X, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 02 năm 2020), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Minh Qu: Anh Ngô Ngọc Bình D, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Số 160, Quốc lộ 14, phường L, thành phố X, tỉnh Bình Phước; địa chỉ liên lạc: Số 491, Quốc lộ 14, phường B, thành phố X, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2020), có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1979; cư trú tại: ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn anh Ngô Ngọc Q, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ngô Ngọc Bình D là người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Xuân Q (anh Hoàng Xuân Q là người đại diện hợp pháp của anh Ngô Ngọc Q) trình bày:

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, anh Q cho anh Lê Văn C vay số tiền 500.000.000 đồng, có lập Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 10 năm 2019, được công chứng tại Văn phòng Công chứng K, đường H, khu phố L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Phước, số công chứng 00014291, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo hợp đồng, thời hạn vay một tháng kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2019; lãi suất là 1,2%/năm. Anh Q đã giao tiền cho anh C bằng hình thức chuyển khoản theo Ủy nhiệm chi ngày 18 tháng 10 năm 2019. Anh Q cam kết số tiền cho vay là tài sản riêng hợp pháp của anh Q. Anh C cam kết đây là khoản vay riêng của anh C và cam kết sử dụng số tiền vay vì mục đích cá nhân.

Khi hết thời hạn vay, anh Q nhắc nhở anh C trả nợ, anh C khất nợ nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Do anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh Q khởi kiện yêu cầu anh C phải thanh toán cho anh Q tổng số tiền là 512.000.000 đồng, gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tính từ ngày 19 tháng 11 năm 2019 đến thời điểm khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 là 03 tháng, lãi suất 0,83%/tháng là 12.000.000 đồng (làm tròn).

Tại phiên tòa, anh Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của anh Q là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 07 và số 08). Do đến hạn anh C không trả

nợ nên anh Q khởi kiện anh C, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự trong vụ án là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Q khởi kiện anh C theo đúng địa chỉ của anh C được ghi trong hợp đồng vay tiền là ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Theo Biên bản xác minh ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương do Tòa án lập (bút lục số 21), anh C có đăng ký thường trú tại địa chỉ này nhưng đến nay anh C không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Việc anh C thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho anh Q biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Q yêu cầu anh C phải thanh toán cho anh Q tổng số tiền là 512.000.000 đồng, gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tính từ ngày 19 tháng 11 năm 2019 đến thời điểm khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 là 03 tháng, lãi suất 0,83%/tháng là 12.000.000 đồng (làm tròn).

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 10 năm 2019 đã được công chứng do anh Q cung cấp, có chữ ký, chữ viết họ tên cùng dòng chữ “*Tôi đã đọc và đồng ý*” và dấu lấn tay của anh C, thể hiện anh C có vay của anh Q số tiền 500.000.000 đồng. Theo Ủy nhiệm chi ngày 18 tháng 10 năm 2019 do anh Q cung cấp (bút lục số 09), thể hiện anh Q đã giao số tiền vay cho anh C bằng hình thức chuyển khoản.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C không đến Tòa để tham gia tố tụng, cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh Q. Mặc nhiên, anh C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do anh Q đưa ra. Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa các bên là có thật, phù hợp với quy định tại Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc vay tiền giữa các bên có thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi nên đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn thanh toán, anh C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên anh Q khởi kiện anh C là có cơ sở. Hội đồng xét xử quyết định buộc anh Q có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng cho anh C.

Về tiền lãi: hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi; khi đến hạn mà anh C không trả hoặc trả không đầy đủ thì anh C phải trả lãi theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, yêu cầu của anh Q về tiền lãi bao gồm về thời gian yêu cầu tính tiền lãi và về mức lãi suất là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc anh C có trách nhiệm trả cho anh Q số tiền lãi là 12.000.000 đồng.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, buộc anh C có trách nhiệm trả cho anh Q tổng số tiền là 512.000.000 đồng (năm trăm mười hai triệu đồng).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí: anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, Điều 385, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Ngọc Q đối với anh Lê Văn C về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản:

Buộc anh Lê Văn C có trách nhiệm trả cho anh Ngô Ngọc Q tổng số tiền 512.000.000 đồng (năm trăm mười hai triệu đồng), gồm tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

2. Về án phí:

Anh Ngô Ngọc Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.240.000 đồng (mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0021461 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Anh Lê Văn C phải chịu 24.480.000 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên

